

Bản án số: 473/2020/DS-ST

Ngày: 23 - 11 - 2020

V/v Tranh chấp hợp đồng

vay tài sản.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8- THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Văn Giàu.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Đặng Thị Huê

2. Bà Lý Ngọc Mạnh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hứa Thị Hồng Đào – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 tham gia phiên tòa:** Bà Ngô Thị Kim Sinh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8 xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 78/2020/TLST-DS ngày 17 tháng 3 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 248/2020/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 9 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 195/2020/QĐST-DS ngày 28 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1979. (Vắng mặt)

Địa chỉ: khu t Thị Trấn CD, huyện CD, Tỉnh LA

Đại diện theo uỷ quyền: ông Sơn Nguyễn N, sinh năm 1982.

Giấy uỷ quyền số 0002082 ngày 02/3/2020. (vắng mặt)

Bị đơn: Ông Ngô Nhật V, sinh năm 1971. (vắng mặt)

Địa chỉ: A D L, Phường X, Quận Y, Tp. Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị Mẫn L, sinh năm 1978. (vắng mặt)

Địa chỉ: , Khu phố , Thị Trấn CD, huyện CD, tỉnh LA.

Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1963. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu 1B, Thị Trấn CD, huyện CD, tỉnh LA.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo nội dung khởi kiện và đại diện nguyên đơn trình bày: Ngày 26/11/2019 ông T và ông V có ký hợp đồng vay tài sản không có biện pháp bảo đảm số 4885, quyền số 03.TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng công chứng H. Nội dung hợp đồng cơ bản như sau: ông T cho ông V vay số tiền 3.000.000.000 đồng, thời hạn vay là 01 tháng kể từ ngày 26/11/2019 đến ngày 26/12/2019, lãi suất: không có, mục đích vay kinh doanh. Ông T đã giao số tiền 3.000.000.000 đồng cho ông V trong ngày 26/11/2019. Đã quá thời hạn thanh toán nhưng phía bị đơn không trả tiền. Ông T khởi kiện ông V yêu cầu trả số tiền gốc là 3.000.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn là ông Ngô Nhật V vắng mặt tại các buổi làm việc của Tòa nên Tòa án không thu được lời khai và không tiến hành hòa giải được.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Số tiền 3.000.000.000 đồng là tài sản riêng của ông T, bà không ý kiến về việc tranh chấp giữa ông T và ông V.

Người làm chứng: Bà Hồng là người chứng kiến việc giao số tiền 3.000.000.000 đồng giữa ông T và ông V.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 phát biểu ý kiến: Tòa án nhân dân Quận 8 thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng quy định pháp luật. Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân thủ pháp luật không vi phạm Tổ tụng, việc khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét đơn khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy đây là việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, bị đơn cư trú tại Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo qui định tại các Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Tòa án nhân dân Quận 8, thành phố Hồ Chí Minh tiến hành giải quyết vụ án theo quy định tại điểm e, khoản 1, Điều 192 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 do ông Ngô Nhật V thay đổi địa chỉ nơi cư trú mà không thông báo địa chỉ cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về cư trú nhằm mục đích che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện.

Ông Ngô Nhật V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Sơn Nguyên Ngọc có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt ông Ngô Nhật V và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn.

[3] Ngày 26/11/2019 giữa Ông T và ông V có ký hợp đồng vay tài sản không có biện pháp bảo đảm số 4885, quyền số 03.TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng công chứng H. Nội dung hợp đồng là ông T cho ông V vay số tiền 3.000.000.000 đồng, thời hạn vay là 01 tháng kể từ ngày 26/11/2019 đến ngày 26/12/2019, lãi suất: không có, mục đích vay kinh doanh. Ông T đã giao số tiền 3.000.000.000 đồng cho ông V trong ngày 26/11/2019. Việc thỏa thuận vay tài sản có hình thức và nội dung phù hợp với quy định tại Điều 119, Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015. Đã quá thời hạn nhưng ông V vẫn không trả tiền nên việc ông T yêu cầu ông V trả số tiền 3.000.000.000 đồng là có cơ sở theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu của bị đơn: Do bị đơn không đến Tòa nên Tòa án không thu thập được các lời khai, Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng nên xét xử vắng mặt bị đơn.

[5] Để đảm bảo quyền lợi của bên được thi hành án cần áp dụng Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 để tính lãi suất trong thời gian chưa thi hành án.

[6] Theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí, bị đơn phải chịu án phí.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 119, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Luật thi hành án dân sự năm 2009 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014);

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T.

1.1. Buộc ông Ngô Nhật V trả cho ông Nguyễn Văn T số tiền 3.000.000.000 (ba tỷ) đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

1.2 Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thực hiện việc trả tiền như bản án đã tuyên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí:

2.1 Ông T không phải chịu án phí. Số tiền tạm ứng án phí 46.000.000( bốn mươi sáu triệu ) đồng đã nộp theo biên lai thu số 0044047 ngày 09/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8 được hoàn trả cho ông T.

2.2 Ông Ngô Nhật V phải chịu án phí số tiền là 92.000.000 (Chín mươi hai triệu) đồng nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- TAND TP.HCM.
- VKSND Q8.
- Chi cục Thi hành án dân sự Q8.
- Các đương sự.
- Lưu:VT, hs.

**Lê Văn Giàu**